

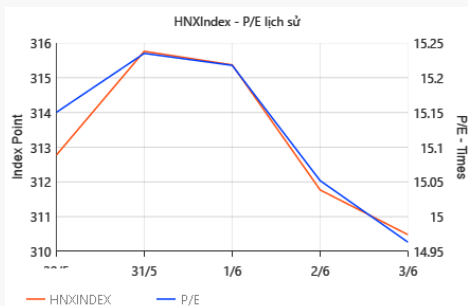


VN-INDEX



Điểm số	1,287.98
Tuần qua (WoW)	0.20%
Từ đầu năm (YTD)	-14.04%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-7.01%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-0.85%
P/E	13.76
P/B	2.19

HNX -INDEX



Điểm số	310.48
Tuần qua (WoW)	-0.22%
Từ đầu năm (YTD)	-34.50%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-1.03%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	9.04%
P/E	14.96
P/B	1.75

GIẢNG CO

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Thị trường sau chuỗi hồi phục tích cực hiện đang bị chứng lại khi về đến vùng khoảng 1,300. Dù vậy thì vẫn có khá nhiều mã vẫn duy trì đà tăng tốt với câu chuyện riêng như nhóm thủy sản, hóa chất, một số mã tiêu dùng, dầu và khí. Sự thận trọng là điều được nhìn thấy trên bình diện chung và khá là dễ hiểu do nhiều mã đã có đà hồi phục tương đối tốt có thể lên đến 20-30% kể từ đáy đầu tháng 5 và khiến cho vùng giá hiện tại trở nên nhạy cảm với các yếu tố biến động hoặc thông tin tiêu cực.

Với đà hồi phục tốt của sản xuất và tiêu dùng thể hiện tại các số liệu vĩ mô, điều này khẳng định về nội lực của nền kinh tế. Nhưng ở chiều ngược lại, lạm phát sẽ tiếp tục gia tăng cùng với xu hướng mở cửa và tiêu dùng trở lại. Đây sẽ là các vấn đề tác động khá nhiều tới việc ra chính sách của Ngân hàng nhà nước, bao gồm việc xem xét nới room tín dụng khi ở thời điểm hiện tại nhiều ngân hàng đã kín room. Việc nhiều ngân hàng kín room cũng khiến cho lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh trong tuần cuối tháng 5.

Với việc thanh khoản không tăng đi cùng với việc số lượng mã giảm điểm luôn chiếm đa số so với các mã tăng thì khả năng thị trường có những phiên điều chỉnh sâu là hoàn toàn có thể. Việc gia tăng tỷ trọng cổ phiếu cần kiên nhẫn đặc biệt với những cổ phiếu đã có mức độ hồi phục tốt trong nhịp tăng ngắn hạn vừa qua.

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường có tuần suy yếu và rủi ro trong ngắn hạn gia tăng. Các vị thế ngắn hạn do đó càng nên hạn chế vào thời điểm hiện tại. Còn với các vị thế mang tính trung dài hạn, việc giải ngân từng phần một cách hợp lý cũng như không quá vội vàng là điều nên được thực hiện.

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Danh mục Nắm giữ & Danh mục Giao dịch: không điều chỉnh trong tuần.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	55.8%		-23.0%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	72.2%		-30.4%
MWG*	06/08/21	3	114,000	Nắm giữ	122,300	7.3%		20.0%	214.9%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	42.2%		-17.5%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%	11.7%		29.8%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		94.8%	452.1%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	36.5%		-5.9%
VHM*	31/05/21	2	77,600	Nắm giữ	77,500	0%	11.3%		23.7%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		28.3%	56.1%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		79.8%	100.1%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%		9.2%	40.6%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		26.1%	118.7%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	16.4%		116.5%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	19.8%		3.2%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		26.4%	61.0%
PNJ*	31/07/20	2	80,900	Nắm giữ	86,000	6.3%		45.6%	141.6%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	27.5%		-6.8%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	12.5%		23.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-39.0%
TNG	24/08/21	25,060 - 26,450	34,780	23,600	1:3	9.6%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	-7.6%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	53.6%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	20.7%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	3.8%
VND*	09/06/21	14,600 - 15,600	21,000	13,500	1:2.5	56.1%
DPG*	31/05/21	27,500 - 28,929	43,571	25,000	1:4	95.3%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	-15.3%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-10.5%
SSI*	20/05/21	25,100 - 26,950	35,250	23,100	1:2	8.5%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-25.4%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	72.0%
SMC*	11/05/21	34,800 - 37,500	50,000	31,000	1:2	-30.7%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	51.5%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	67.1%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	0.7%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	21.3%
VIC*	26/03/21	96,900 - 101,300	128,900	95,100	1:4.5	-22.2%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	1.6%
GEG*	08/03/21	16,550 - 17,650	25,700	15,455	1:4	38.0%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	23.1%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	8.2%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	86.9%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	48.7%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	104.8%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	-7.7%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	-1.2%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	-100.0%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	90.4%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	1.4%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	114.5%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	115.4%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	116.2%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	179.9%



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có tuần nhìn chung là giằng co dù thường xuyên duy trì sắc xanh trên chỉ số. Kết tuần các chỉ số quay về mốc tham chiếu cuối tuần trước và khối lượng cũng duy trì tương tự. Mặc dù vậy nhìn vào độ rộng của thị trường thì số mã giảm áp đảo số mã tăng với 252 mã tăng/405 mã giảm trên 2 sàn chính trong tuần qua.

Thị trường Việt Nam tuần qua nhìn chung đã không hòa cùng với hoạt động tăng của các sàn châu Á dẫn dắt bởi chỉ số Hang Seng, Taiex, Shenzhen composite và CSI300.

GAS +13% w-o-w là trụ cột điểm nổi bật cho thị trường tuần qua. Không có mã lớn điều chỉnh chính trong tuần nhưng do đà giảm lan rộng tại nhiều mã nên mức điểm tăng của GAS chỉ đủ để bù lại giữ chỉ số chính bằng điểm với tuần trước.

HPG, SSI, BSR là 3 mã dẫn đầu về khối lượng và giá trị khớp lệnh tuần qua.

Khối ngoại tuần qua mua ròng gần 2 ngàn tỷ đồng nhưng tập trung khoảng 1.3 ngàn tỷ vào ETF VNDiamond của Dragon Capital. Khối tự doanh công ty chứng khoán có tuần giao dịch với không nhiều điểm nhấn.

GAS cũng khiến cho ngành tiện ích tăng điểm nhiều nhất tuần, CNG+17.8%, BSR+15.1% là các mã khác có thể theo dõi trong ngành. Dầu khí và Bán lẻ là 2 nhóm tiếp theo tăng điểm tốt trong tuần. Trong khi nhóm Dầu khí được hỗ trợ bởi giá xăng, dầu trong nước và quốc tế thì Bán lẻ được hỗ trợ bởi số liệu vĩ mô doanh số bán lẻ hồi phục rất tốt tháng qua.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 0.2%, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu và thấp hơn mức cao nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa một chút và cao hơn mức thấp nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Thị trường đã dành cả tuần để giao dịch trong một biên độ khá hẹp, chủ đạo là đi ngang với những diễn biến tăng giảm đan xen. Điều đáng chú ý ở đây là hai ngày có khối lượng giao dịch lớn ở trong tuần (thứ ba và thứ năm) là hai ngày mà thị trường giảm điểm. Nếu như sau phiên giảm ngày thứ ba, VNINDEX ngay lập tức có ngày thứ tư tăng trở lại và đạt được mức điểm cao hơn hai ngày trước đó thì đến ngày thứ sáu, thị trường đã tiếp tục giảm chứ không thể bật lên trở lại, đó là một tín hiệu kém tích cực rõ ràng, nhưng ở chiều ngược lại thì điểm tích cực là sự hồi phục trong buổi chiều cũng như mức đóng cửa cao hơn mức mở cửa.

Thị trường có một tuần tăng nhẹ nhưng thực chất là một tuần suy yếu. Dù vậy thì ở thời điểm hiện tại tương quan cung cầu vẫn cho thấy lực bán chưa thực sự mạnh lên so với lực mua, còn lực mua thì vẫn sẵn sàng tham gia một cách nhất định để hỗ trợ khi giá giảm. Do đó, để cho rằng xu hướng hồi phục trong ngắn hạn đã kết thúc ở thời điểm hiện tại là chưa có cơ sở, tuy nhiên rủi ro so với tuần liền trước thì đã lớn hơn.

Vai trò	Vùng điểm của VNINDEX
Hỗ trợ	1,180 – 1,200
Kháng cự	1,400



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

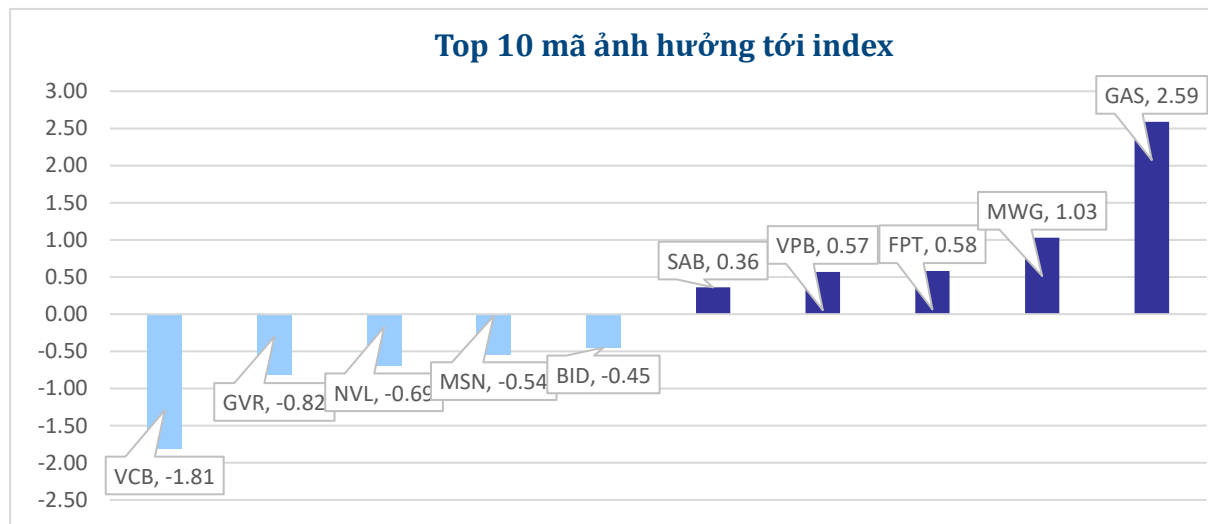
BIẾN ĐỘNG PHIÊN CUỐI TUẦN

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,287.98	-0.05%	-0.64	473.81	12,912.4	149	68	290
Vn30 - Index	1,327.40	0.14%	1.91	121.05	4,811.6	10	3	17
Vn - Mid	1,750.71	0.17%	2.91	164.34	5,074.7	26	7	37
VN - Small	1,681.03	-0.32%	-5.46	94.30	2,177.8	60	26	126
HNX - Index	310.48	-0.41%	-1.29	65.19	1,526.7	72	49	223
Upcom - Index	94.17	-0.16%	-0.15	62.06	991.5	155	81	202

THANH KHOẢN PHIÊN CUỐI TUẦN

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	12,912.40	-21.57%	473.81	-17.25%
HNX	1,526.70	-30.33%	65.19	-27.09%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG PHIÊN

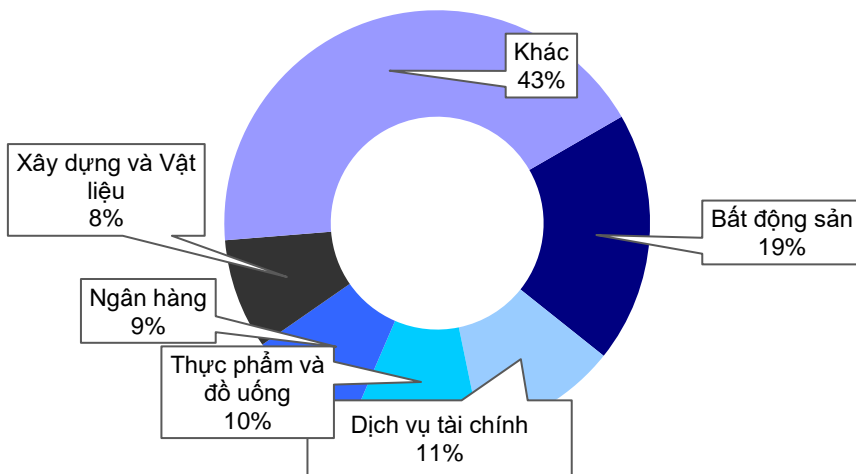


Top KLGD (triệu cổ phiếu)		Top GTGD (tỷ đồng)		Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)		Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)		Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	
SSI	17.26	SSI	502.9	OGC	283%	CEO	7.0%	BII	-8.5%
HPG	14.71	HPG	493.8	GAS	246%	DGC	6.9%	ROS	-5.6%
STB	12.08	DPM	375.1	KSB	217%	ANV	6.7%	IJC	-3.7%
HAG	11.27	DIG	366.1	VSC	177%	OGC	6.3%	FLC	-3.4%
POW	9.78	PVS	301.3	DPR	167%	DCM	4.9%	DXG	-3.3%

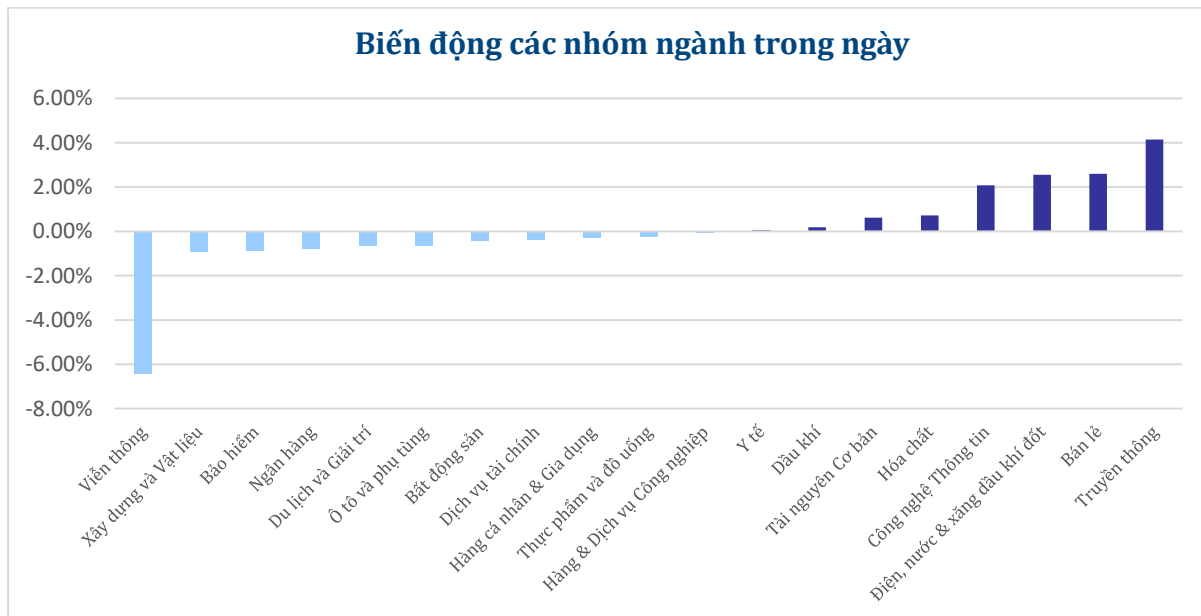


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

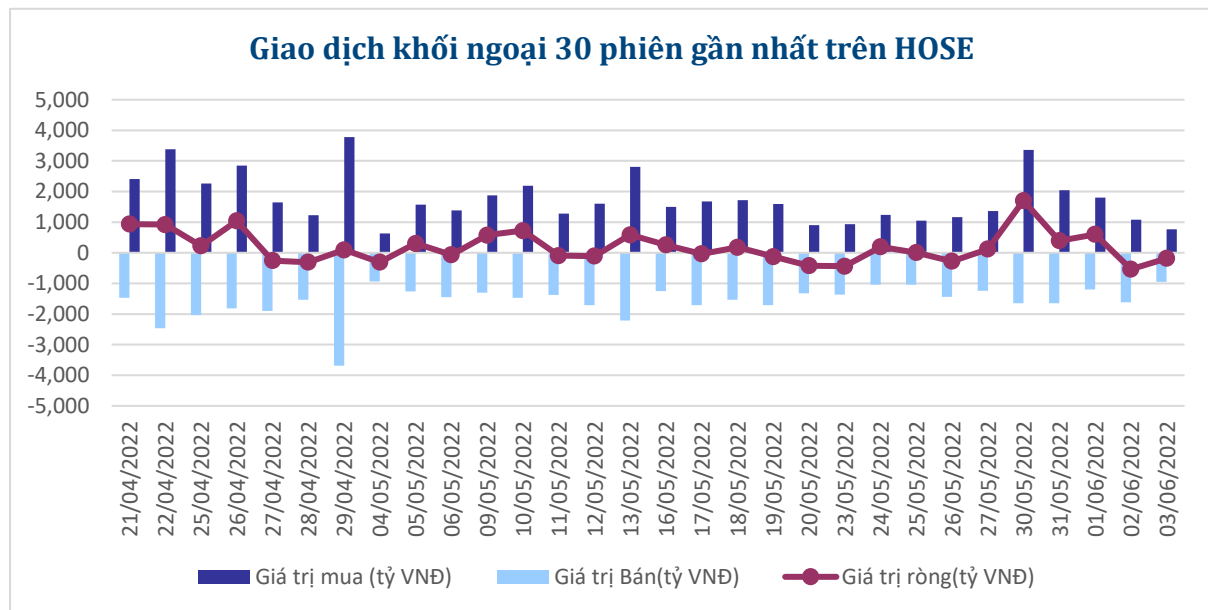




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

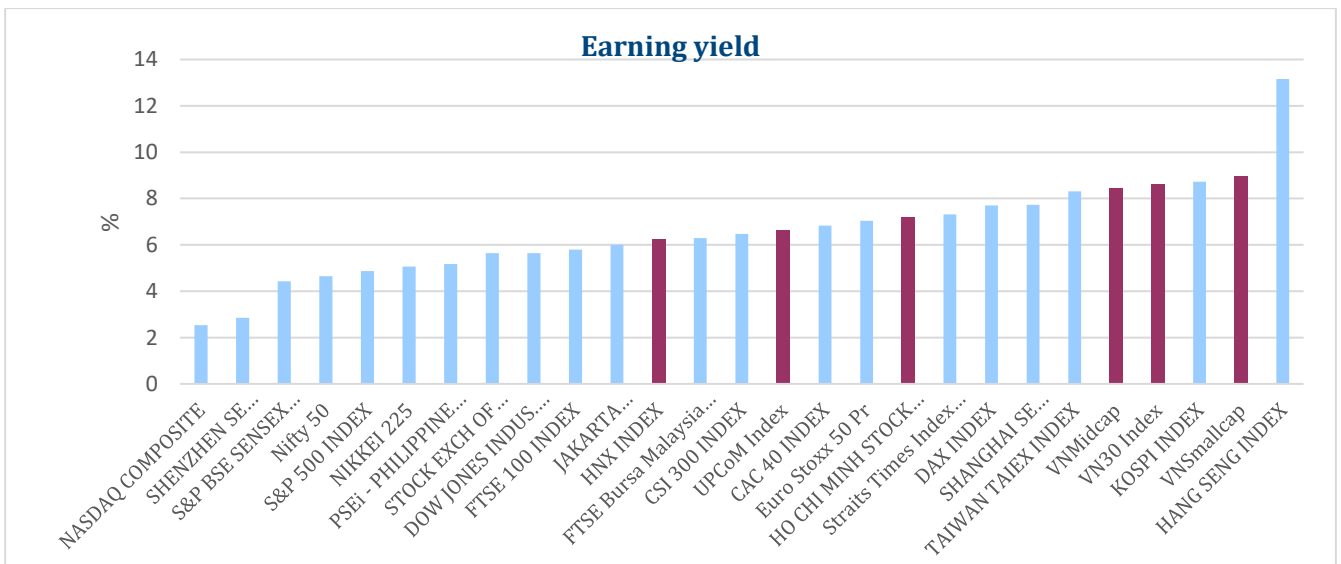
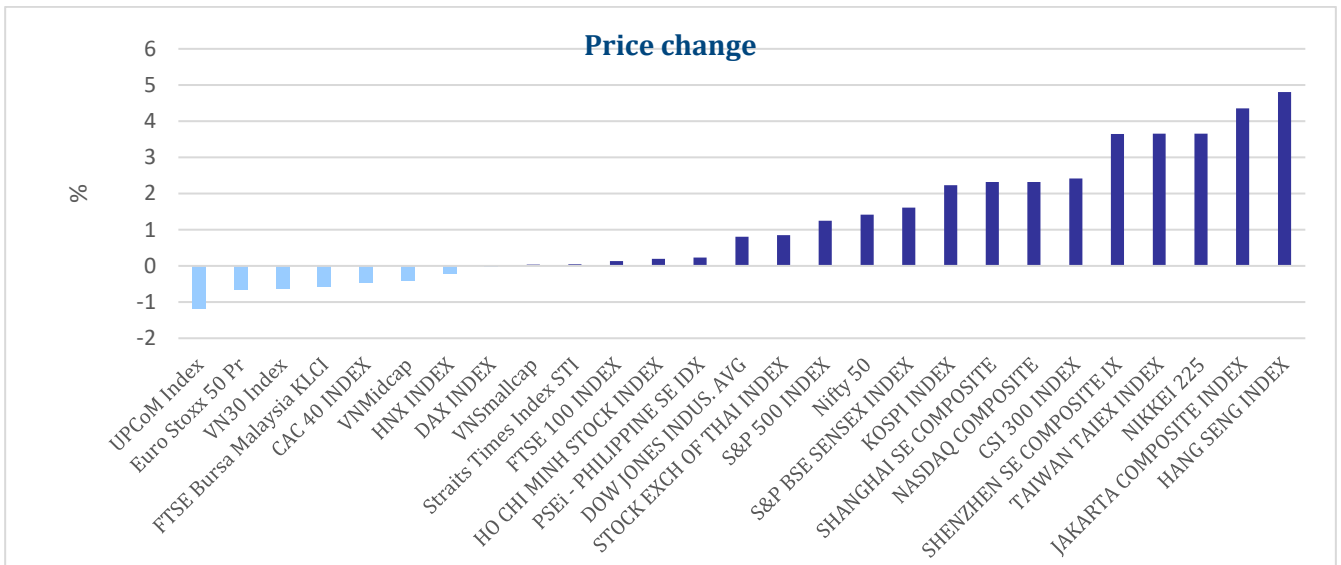
Trên HOSE bán ròng 182.55 tỷ đồng còn trên HNX mua ròng 696.31 triệu đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
CTD	19.20	GAS	37.81
DPM	10.99	HPG	37.81
SAB	10.64	VCB	21.23
BCM	8.42	VIC	21.02
FRT	8.19	VHM	19.93

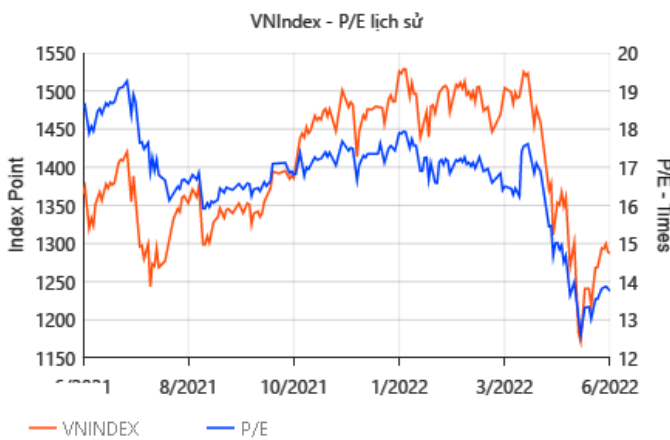




BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

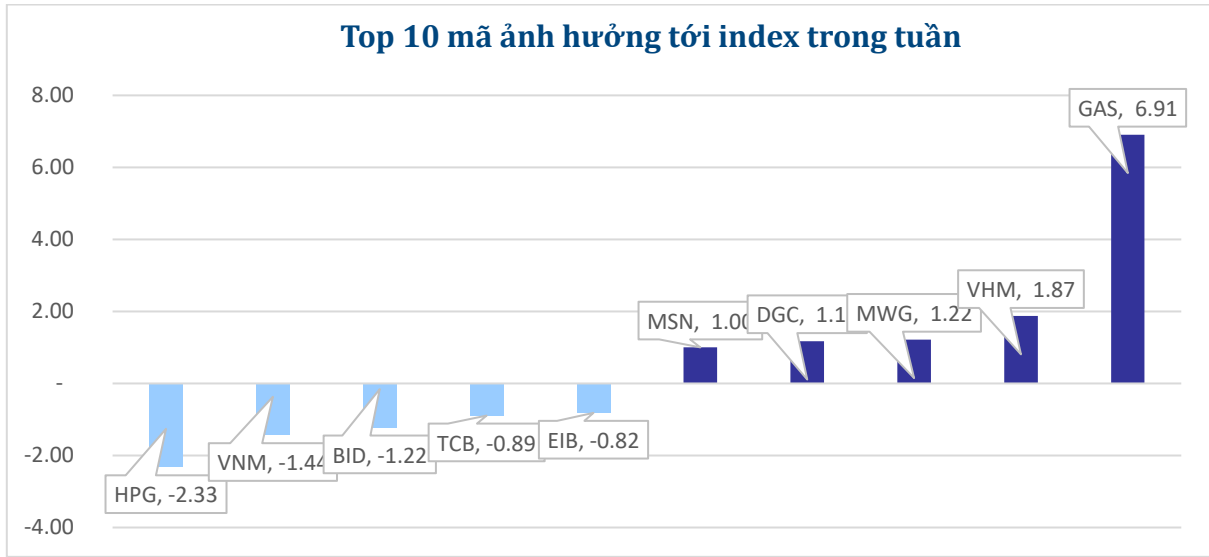


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



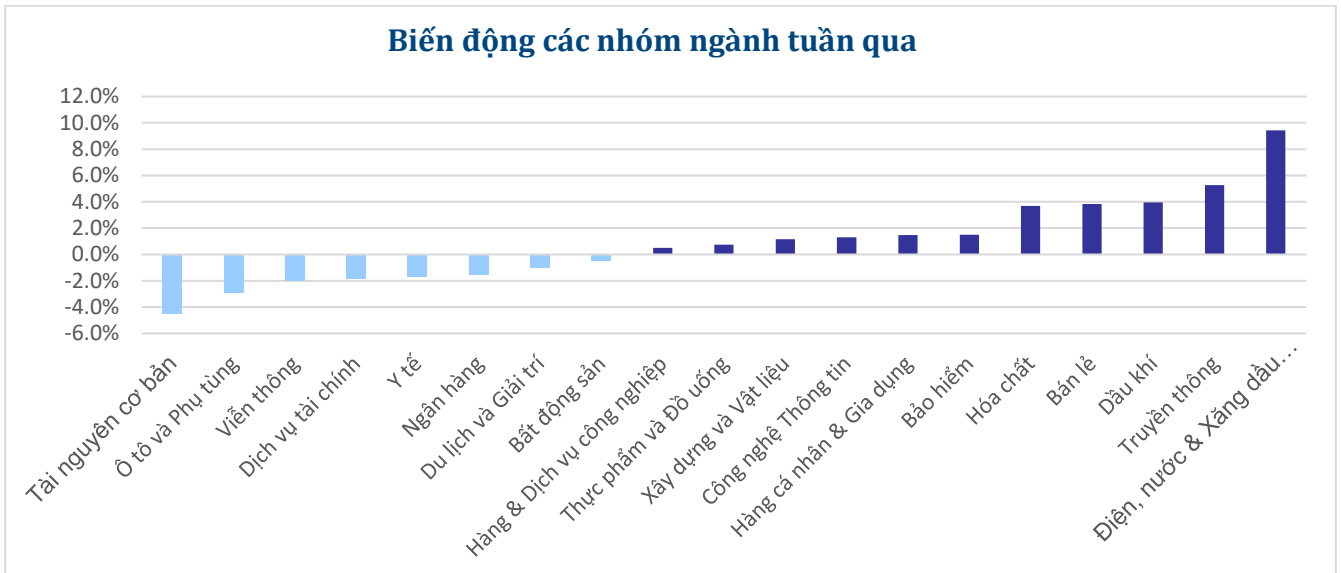


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



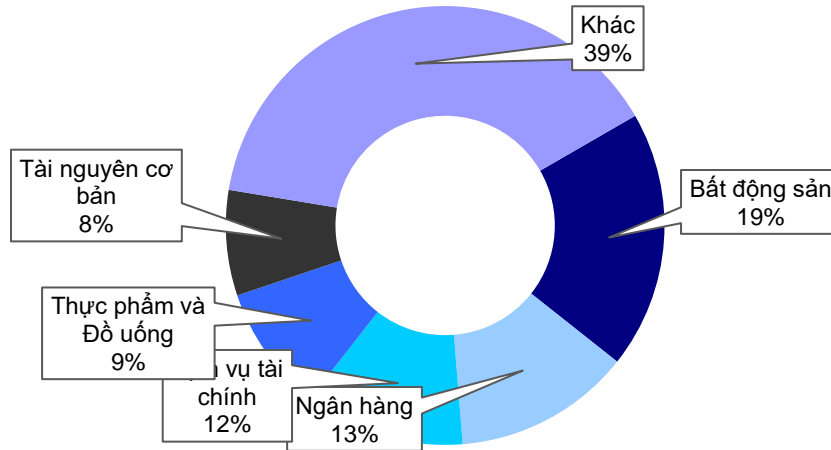
Top KLGD (triệu cp/phiên)	Top GTGD (tỷ đồng/phiên)	Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần	Top tăng điểm với thanh khoản cao	Top giảm điểm với thanh khoản cao					
HPG	19.1	HPG	655.4	SIP	4.30x	YEG	31.7%	DLG	-10.5%
BSR	17.0	SSI	496.2	VSH	3.00x	ANV	19.7%	CKG	-9.9%
SSI	16.8	BSR	455.3	GAS	1.98x	CNG	17.8%	DRH	-9.6%
HQC	15.4	DIG	441.5	BSR	1.96x	DGC	16.7%	LDG	-9.6%
STB	14.4	PVS	427.7	L14	1.71x	CTD	16.6%	HAD	-0.7%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

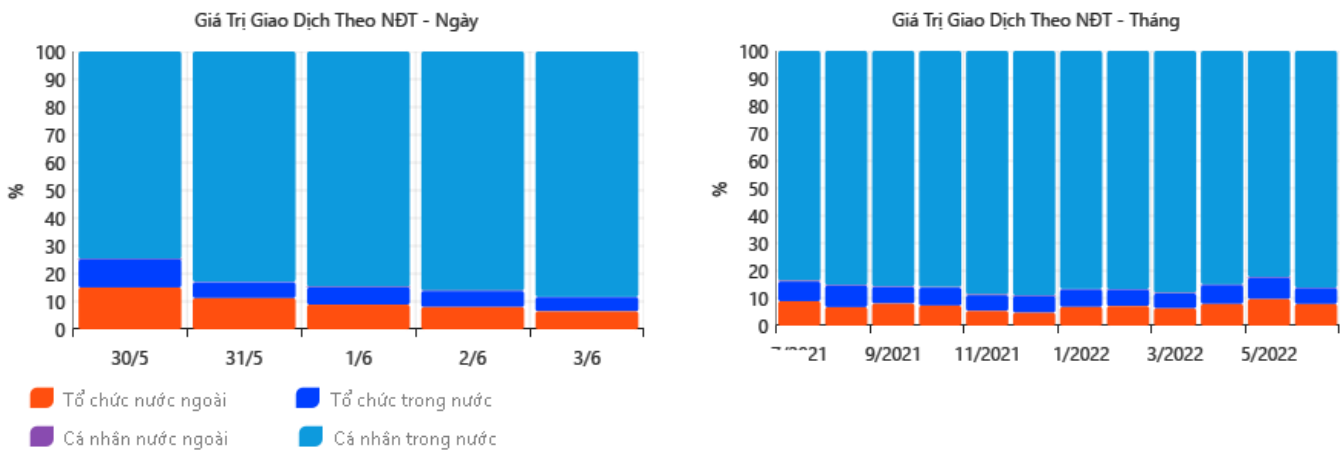


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	-5.78%	5,567.9	FUEVFNVD	0.70%	3,395.2
SSI	-2.17%	4,600.0	FPT	1.97%	3,177.6
DIG	-4.98%	4,338.2	MSN	2.55%	1,173.0
DGC	16.72%	3,752.4	HPG	-5.78%	1,162.1
STB	-4.94%	2,955.1	PNJ	0.74%	1,034.6

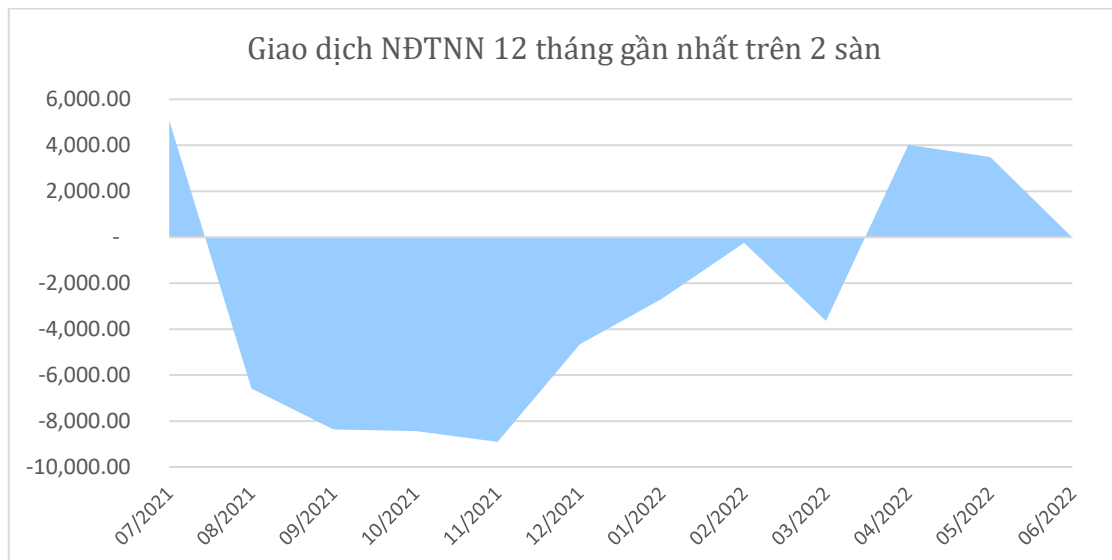
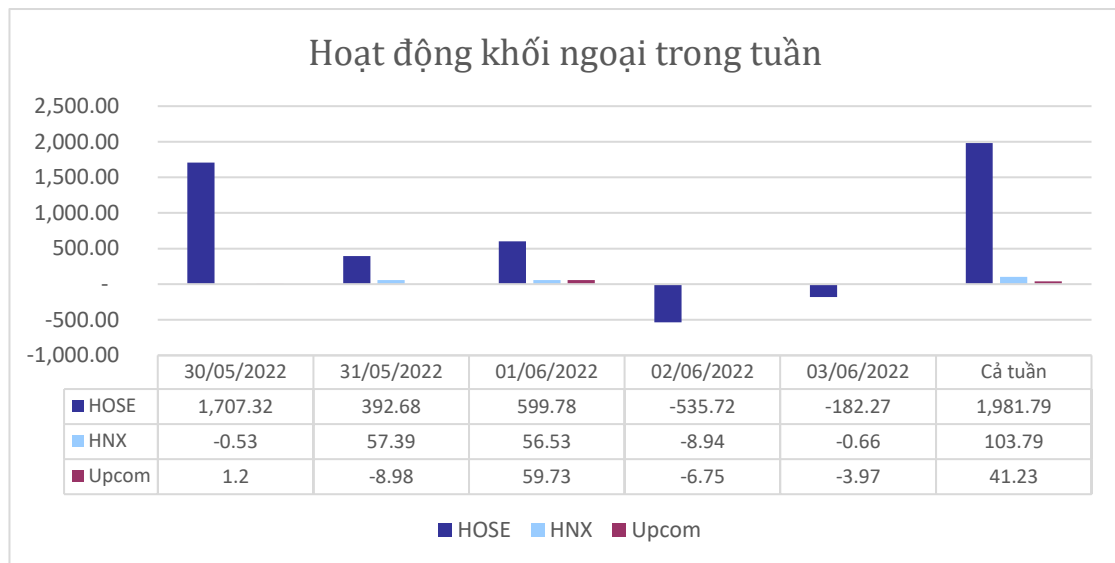
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

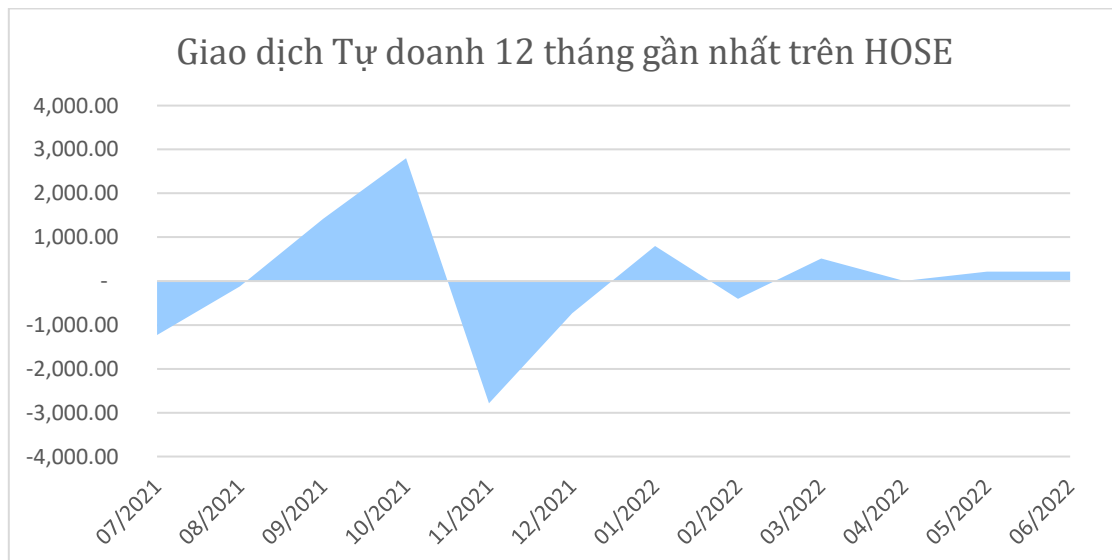
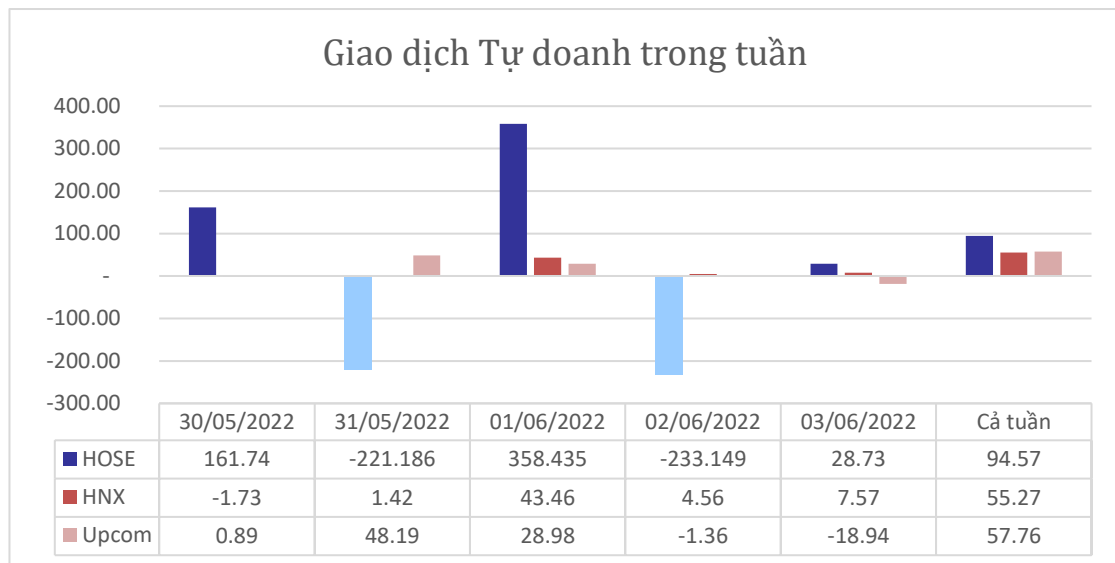
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
FUEVFN30	0.70%	1,358.56	E1VFN30	-1.30%	188.26
FPT	1.97%	391.13	PNJ	0.74%	170.32
DGC	16.72%	271.96	GAS	12.91%	152.13
VHM	2.48%	135.64	VIC	1.03%	107.40
CTG	1.48%	132.53	HPG	-5.78%	101.80





KHỐI TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

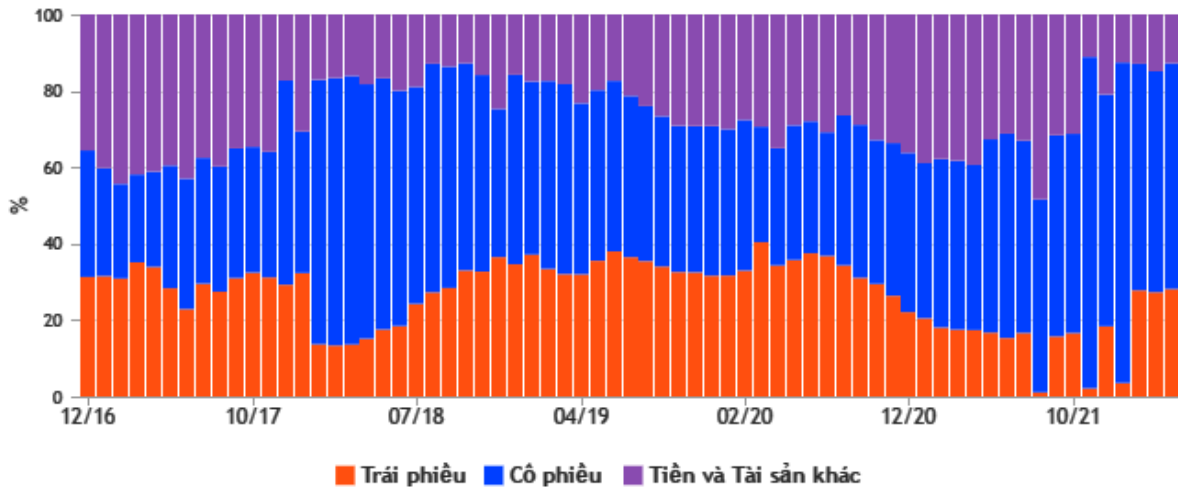
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
IJC	10.90%	81.85	HDG	-4.06%	67.78
GAS	12.91%	73.26	EIB	-7.62%	62.89
DCM	15.30%	57.66	PNJ	0.74%	61.93
DXG	-8.42%	33.86	HPG	-5.78%	43.90
REE	3.79%	33.03	CTR	0.61%	41.32



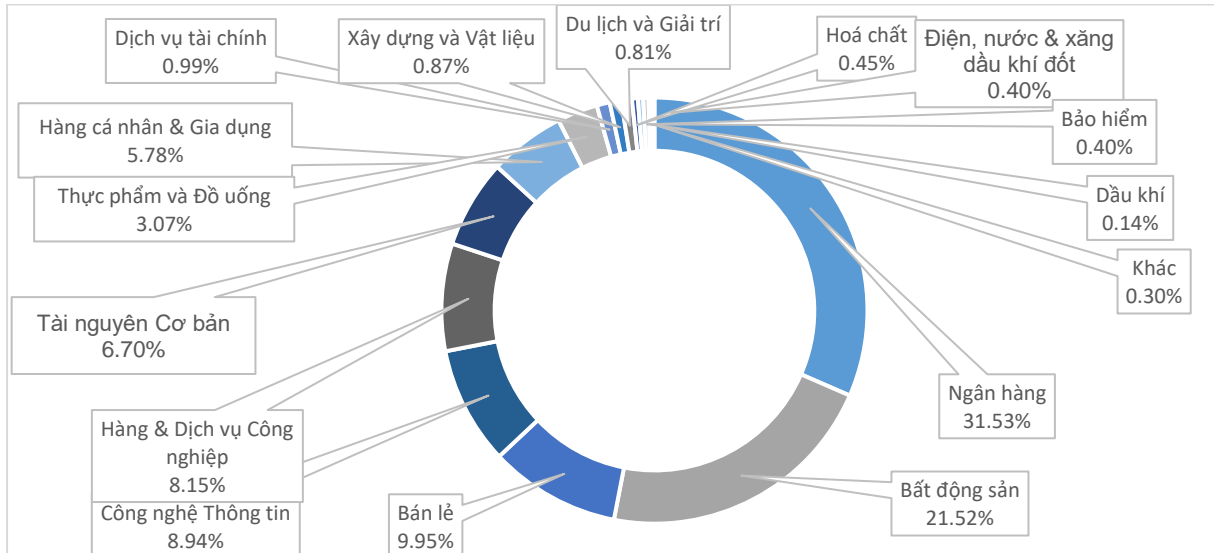


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

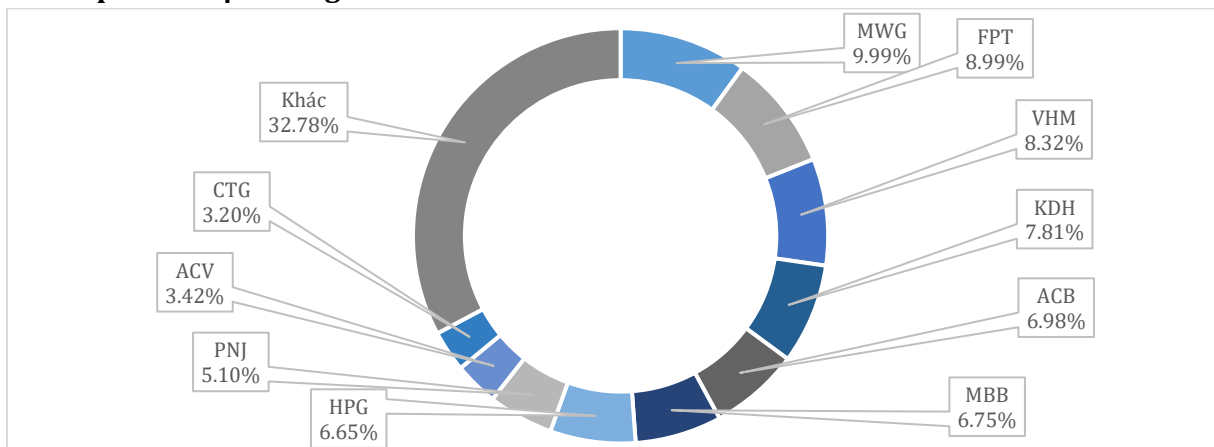
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
TV2	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	06/06/22	07/06/22	06/06/22
PHN	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	06/06/22	07/06/22	17/06/22
VLP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	06/06/22	06/06/22	06/06/22
PGI	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (800 đ/cp)	06/06/22	07/06/22	24/06/22
HTR	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.120đ/cp)	06/06/22	07/06/22	08/07/22
DM7	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	06/06/22	07/06/22	06/06/22
HAH	HSX	Giao dịch 19.513.066 cp niêm yết bổ sung			06/06/22
DCS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	06/06/22	06/06/22	06/06/22
BTH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	06/06/22	07/06/22	06/06/22
KSB	HSX	Giao dịch 2.500.000 cp niêm yết bổ sung		30/12/20	06/06/22
HSP	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (815đ/cp)	07/06/22	08/06/22	20/06/22
PTC	HSX	Niêm yết bổ sung 14.307.325 cp		07/06/22	07/06/22
MSH	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 2:1)	07/06/22	08/06/22	07/06/22
PVD	HSX	Niêm yết bổ sung 421.545.789 cp		07/06/22	07/06/22
OGC	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	07/06/22	08/06/22	13/06/22
MWG	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	07/06/22	08/06/22	17/06/22
TCM	HSX	Thưởng cp (tỷ lệ 100:15)	07/06/22	08/06/22	07/06/22
SKV	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.260đ/cp)	07/06/22	08/06/22	23/06/22
HMH	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (3.000 đ/cp)	07/06/22	08/06/22	30/06/22
VMA	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200đ/cp)	07/06/22	08/06/22	15/06/22
EVE	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.000 đ/cp)	07/06/22	08/06/22	17/06/22
SVI	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (1.800 đ/cp)	07/06/22	08/06/22	22/06/22
VHH	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/06/22	08/06/22	07/06/22
BMC	HSX	ĐHCĐ thường niên năm 2022	07/06/22	08/06/22	07/06/22
MSN	HSX	Giao dịch 5.851.446 cp niêm yết bổ sung		21/06/21	07/06/22
VPG	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:10)	07/06/22	08/06/22	07/06/22
MVC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (570đ/cp)	08/06/22	09/06/22	29/06/22
GTA	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (850 đ/cp)	08/06/22	09/06/22	30/06/22
KHG	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	08/06/22	09/06/22	08/06/22
DTH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (400đ/cp)	08/06/22	09/06/22	29/06/22
WCS	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	08/06/22	09/06/22	30/06/22
BLW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	08/06/22	09/06/22	08/06/22
MED	HNX	Giao dịch đầu tiên 6.129.905 cổ phiếu niêm yết bổ sung			08/06/22
EIC	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/06/22	10/06/22	09/06/22
HDW	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/06/22	10/06/22	09/06/22
AMC	HNX	trả cổ tức bằng tiền mặt (2.000 đ/cp)	09/06/22	10/06/22	20/06/22
GDW	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000 đ/cp)	09/06/22	10/06/22	20/06/22
PRO	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/06/22	10/06/22	09/06/22
BRS	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.400đ/cp)	09/06/22	10/06/22	30/06/22
DBD	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 10:3)	09/06/22	10/06/22	09/06/22
TRA	HSX	Trả cổ tức còn lại năm 2021 (1.000 đ/cp)	09/06/22	10/06/22	27/06/22
HTL	HSX	Chi trả cổ tức năm 2020 (1.000 đ/cp)	09/06/22	10/06/22	28/06/22
THT	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.200 đ/cp)	09/06/22	10/06/22	06/07/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
HNF	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	09/06/22	10/06/22	09/06/22
TMW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (800đ/cp)	09/06/22	10/06/22	30/06/22
PGS	HNX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	09/06/22	10/06/22	12/07/22
DC4	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 20:1)	09/06/22	10/06/22	09/06/22
DVP	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2021 (3.500 đ/cp)	09/06/22	10/06/22	30/06/22
ACM	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/06/22	13/06/22	10/06/22
COM	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	10/06/22	13/06/22	10/06/22
BCG	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	10/06/22	13/06/22	10/06/22
CMD	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	10/06/22	13/06/22	10/06/22
FOC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (8.000đ/cp)	10/06/22	13/06/22	30/06/22
DL1	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	10/06/22	13/06/22	10/06/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	701
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	702
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	703
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	222
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	704
Trần Thị Diệu Khánh	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	khanhttd@gtjas.com.vn	705



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696